

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHE PHÁI ĐỐI LẬP TRONG CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM THÁNG 11 NĂM 1963*

PHẠM XANH*

Sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm tháng 11-1963 là kết quả tác động trực tiếp của hai chuỗi hành động diễn ra song song trên chiến trường miền Nam từ đầu năm 1960 đến cuối năm 1963. Sự vùng dậy như thác vỡ bờ của nhân dân miền Nam mở đầu từ phong trào Đồng khởi Bến Tre và hoạt động của các phe phái đối lập trong chính quyền Sài Gòn. Theo Ngô Đình Diệm, năm 1960 "là năm tệ hại nhất mà chúng tôi từng thấy... Một mặt chúng tôi phải chiến đấu với cộng sản. Mặt khác chúng tôi phải đối phó với chiến dịch báo chí ngoại quốc đang công kích nổi loạn theo kiểu Triều Tiên... Rồi lại còn các chính trị gia nghiệp dư của chúng ta, những người đã lỗi thời và chỉ nghĩ cách trả thù..." (1). Trong bài viết này tôi chỉ xin được làm sáng tỏ chuỗi hành động thứ hai - hoạt động của các phe phái đối lập trong chính quyền Sài Gòn từ tháng 4-1960 đến tháng 11-1963.

1. Từ Tuyên ngôn mười tám người đến cuộc đảo chính không thành của Nguyễn Chánh Thi tháng 11-1960

Dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 (khoá II) của Đảng Lao động Việt

Nam, cuộc vùng dậy của nhân dân Mỹ Cày, Bến Tre ngày 17-1-1960 nhanh chóng lan tỏa, trở thành phong trào Đồng khởi rộng lớn, khởi đầu sự bất ổn của chính quyền Sài Gòn. Cũng trong thời gian đó, trên thế giới diễn ra những biến cố trọng đại tác động trực tiếp đến cách mạng Việt Nam. Năm 1959, dưới sự lãnh đạo của Fidel Castro, nhân dân Cuba đã đứng dậy lật nhào chế độ độc tài thân Mỹ Batixta, thành lập nước Cộng hòa Cuba ngày 1-1-1960. Tại Đại Hàn, từ giữa tháng 3-1960 sinh viên và dân chúng đứng lên trong cuộc đấu tranh kéo dài hơn một tháng chống lại cuộc bầu cử gian lận đưa Lý Thừa Vãn, một người thân Mỹ đã 85 tuổi tái đắc cử Tổng thống. Những người tham gia đấu tranh đã xông vào đập phá tòa nhà Quốc hội và trụ sở Đảng Tự do do Lý Thừa Vãn lãnh đạo, buộc ông ta phải ra lệnh giải tán Đảng và Chính phủ và tuyên bố từ bỏ mọi chức vụ hiện hành. Trong bối cảnh đó, tại Sài Gòn đã dần dần quy tụ một nhóm chính khách đối lập với chính quyền họ Ngô. Ngày 26-4-1960 họ nhóm họp tại Khách sạn Caravelle bàn luận và cùng nhau công bố *Bản Tuyên ngôn của mười tám người*.

*PGS.TS. Khoa Lịch sử. Trường ĐHKHXH&NV.

Dưới đây là danh sách 18 người trong nhóm Caravelle:

1. Trần Văn Văn, tốt nghiệp Cao đẳng Thương mại, cựu Tổng trưởng kinh tế và kế hoạch.

2. Phan Khắc Sửu, Kỹ sư nông nghiệp, cựu Tổng trưởng Canh nông, cựu Tổng trưởng Lao động.

3. Trần Văn Hương, Giáo sư trung học, cựu Đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn.

4. Nguyễn Lưu Viên, Bác sĩ Y khoa, cựu Giáo sư trường Đại học Y khoa, cựu Cao ủy di cư.

5. Huỳnh Kim Hữu, Bác sĩ Y khoa, cựu Tổng trưởng Y tế.

6. Phan Huy Quát, Bác sĩ Y khoa, cựu Tổng trưởng Quốc gia Giáo dục, cựu Tổng trưởng Quốc phòng.

7. Trần Văn Lý, cựu Thủ hiến Trung phần.

8. Nguyễn Tiến Hỷ, Bác sĩ Y khoa.

9. Trần Văn Đỗ, Bác sĩ Y khoa, cựu Tổng trưởng Ngoại giao.

10. Lê Ngọc Chấn, Luật sư, cựu Quốc vụ khanh phụ trách quốc phòng.

11. Lê Quang Luật, Luật sư, cựu Đại diện chính phủ tại Bắc Việt, Tổng trưởng Thông tin tuyên truyền.

12. Lương Trọng Tường, Kỹ sư công chính, cựu Quốc vụ khanh phụ trách kinh tế quốc dân.

13. Nguyễn Tăng Nguyên, Bác sĩ Y khoa, cựu Tổng trưởng Lao động và Thanh niên.

14. Phạm Hữu Chương, Bác sĩ Y khoa, cựu Tổng trưởng Y tế và Hoạt động xã hội.

15. Trần Văn Tuyên, Luật sư, cựu Quốc vụ khanh phụ trách Thông tin Tuyên truyền.

16. Tạ Chương Phùng, cựu Tỉnh trưởng tỉnh Bình Định.

17. Trần Lê Chất, tốt nghiệp trường Hậu bổ năm 1903.

18. Hồ Văn Vui, đức cha, cựu Linh mục phụ trách giáo khu Sài Gòn, hiện đang phụ trách giáo khu Tha La tỉnh Tây Ninh (2).

Lướt nhìn qua bản danh sách "Nhóm Caravelle" mà về sau anh em Diệm, Nhu gọi là "chính khách salông", họ đều là những trí thức đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền Bảo Đại, các tổ chức chính trị và các tổ chức tôn giáo, đều xuất thân từ những gia đình từng là ân nhân của gia đình Ngô Đình Diệm, và hơn hết, họ tự xưng là "đại diện cho nhóm những công dân và nhân vật tên tuổi, những nhà trí thức thuộc mọi xu hướng và những người thiện chí".

Tuyên ngôn của mười tám người dài 7 trang tập trung phê phán những vấn đề gai góc nhất của chính quyền Sài Gòn thời Diệm - Nhu như chính sách, chính quyền, quân đội và các vấn đề kinh tế và xã hội. Về các *chính sách, Tuyên ngôn*, sau khi lên án bầu cử "phản dân chủ", cấm báo chí lên tiếng, liên tiếp tiến hành những cuộc bắt bớ đến nỗi cho đến giờ phút này "các nhà giam đầy chật những người", đã lên tiếng mạnh mẽ "Ngày nay dân chúng muốn tự do... Ngài phải tự do hóa chế độ, thúc đẩy dân chủ, đảm bảo nhân quyền tối thiểu, thừa nhận phe đối lập đặng cho phép các công dân bày tỏ ý kiến của mình mà không sợ hãi do đó cất bỏ những lời phàn nàn và nổi oán giận". *Tuyên ngôn* còn vạch rõ: "Quyền lực hữu hiệu không còn trong tay những người thông thường vẫn có trách nhiệm mà thực tế tập trung vào trong tay một thành viên vô trách nhiệm của gia đình", mọi mệnh lệnh đều từ người này phát ra; điều này làm cho bộ máy ỳ ạch, làm tê liệt mọi

sáng kiến; làm giảm thiện chí, từ đó mà lên tiếng "phải ngăn chặn sự thiên vị dựa vào mối quan hệ gia đình hoặc đảng phái; phải trừng phạt việc mua bán thế lực, nạn tham nhũng và lạm quyền". Về *quân đội*, sau khi phê phán quân đội bị lợi dụng phục vụ lợi ích của chính quyền họ Ngô, chứ không phải của đất nước, *Tuyên ngôn* yêu cầu phải "cải tổ toàn bộ quân đội là điều cần thiết. Tính bè phái và thói phục tùng đảng phái phải bị loại bỏ, cơ sở tinh thần của nó phải được củng cố, một truyền thống tự hào quốc gia cao quý phải được tạo ra, tinh thần chiến đấu, lương tâm nghề nghiệp và lòng dũng cảm cần phải trở thành tiêu chuẩn để bạt. Phải khuyến khích binh lính tôn trọng sĩ quan và khuyến khích các sĩ quan yêu thương binh lính. Ngờ vực, ghen tỵ, hiểm thù giữa các bạn đồng nghiệp cùng cấp phải loại bỏ". Về các *vấn đề kinh tế xã hội*, *Tuyên ngôn* lên án chính phủ dung túng bọn đầu cơ, huy động hàng nghìn người phải rời bỏ nhà cửa và gia đình họ để xây dựng những "thị trấn công nghiệp" nguy nga nhưng vô dụng khiến họ phải phát ngấy và bất bình, do đó làm cho nổi oán giận của dân chúng trầm trọng thêm và tạo ra một miếng đất lý tưởng cho kẻ địch tuyên truyền, từ đó đòi hỏi chính phủ "phải phá bỏ mọi trở ngại trên con đường phát triển kinh tế, phải thủ tiêu mọi hình thức độc quyền và đầu cơ, phải tạo ra một môi trường thuận lợi cho bè bạn nước ngoài cũng như chính các công dân của chúng ta đầu tư". Cuối cùng, *Tuyên ngôn* đã rung chuông cảnh báo "*chân lý sẽ nổ tung thành những làn sóng căm thù không sao ngăn nổi của một dân chúng từ lâu đã phải chịu đựng đau khổ ghê gớm và dân chúng đó đã đứng dậy phá tan xiềng xích đã kìm giữ họ lại. Nó sẽ quét sạch nỗi ô nhục cùng với tất cả những bất công bao quanh và đè nén họ*" (3).

Bản *Tuyên ngôn của mười tám người* ngay sau khi ra đời đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm phong tỏa. Những người ký tên dưới đó và người thân của họ, số bị bắt, số bị mật vụ theo dõi gắt gao. Báo chí bị cấm đưa tin. Tuy nhiên, một số bản vẫn lọt được ra ngoài qua các nhà báo nước ngoài, được một số người có quyền lực ít nhiều oán ghét chế độ tiếp nhận và truyền tay nhau đọc. Tuy tiếng vang của nó không được sâu rộng trong quảng đại quần chúng, nhưng trong chính giới Sài Gòn nó như một thông điệp hay như sau này Đỗ Mậu nhớ lại, họ "*cảm thấy như được thúc đẩy phải có một hành động quyết liệt để đánh thức cơ mê muội của ông Diệm*" (4). Rõ ràng, sự ra đời của *Tuyên ngôn* đánh dấu một bước tiến mới của các phe nhóm đối lập trong chính quyền Ngô Đình Diệm - sự xích lại gần nhau và cố kết thành một khối của những người bất mãn chế độ.

Nếu cú hích của *Tuyên ngôn mười tám người* là sự tác động của yếu tố bên ngoài (từ Cuba, Đại Hàn, Thổ Nhĩ Kỳ...) thì cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi tháng 11-1960 lại chịu sự tác động trực tiếp của tình hình trong nước lúc đó - phong trào Đồng khởi của nhân dân miền Nam và sự bất mãn đối với chính sách cai trị của gia đình họ Ngô. Lực lượng tham gia cuộc đảo chính lại là những đơn vị "con cưng" của chế độ, được hưởng nhiều ưu đãi của gia đình Ngô Đình Diệm. Đó là toàn bộ Lữ đoàn dù dưới sự chỉ huy của Đại tá Nguyễn Chánh Thi, toàn bộ lực lượng của Liên đoàn biệt động Quân khu Thủ đô dưới sự chỉ huy của Phó chỉ huy Liên đoàn, Đại úy Phan Lạc Tuyên, Đại đội 3 và Đại đội 4 thuộc Tiểu đoàn Thủy quân lục chiến dưới sự chỉ huy của Đại úy Nguyễn Kiên Hùng. Đây chính là những lực lượng được tin cậy nhất của Diệm - Nhu, từ sĩ quan đến binh sĩ được hưởng mức lương cao gấp 2 lần so

với các quân binh chủng khác. Cuộc đảo chính được nhen nhóm từ giữa năm 1960 bởi Lữ đoàn dù Nguyễn Chánh Thi. Lúc đầu nhóm đảo chính định khởi sự vào ngày 7-7, ngày Lễ song thất của Ngô Đình Diệm, nhưng bất ngờ trước đó một ngày toàn bộ Lữ đoàn dù bị điều động lên Tây Nguyên nên kế hoạch bị đình lại. Vì thế, nhóm lãnh đạo quyết định sẽ khởi sự vào lúc 1 giờ sáng ngày 12-11-1960.

Theo dự định, còn một ngày nữa mới tới giờ hành động, nhưng vào lúc 20 giờ ngày 10-11 sợ âm mưu đảo chính bị bại lộ sau khi đã giết Thiếu tá Ngô Xuân Soạn là người từ chối tham gia đảo chính, nên kế hoạch hành động được điều chỉnh sớm một ngày (vào lúc 3 giờ sáng ngày 11-11-1960).

Đúng như dự kiến, 3 giờ sáng toàn bộ hệ thống điện thoại, điện tín dân sự bị cắt, tiếng súng đảo chính đồng loạt vang lên ở 7 mục tiêu đã được xác định từ trước (Dinh Độc lập, doanh trại của Lữ đoàn Liên binh Phòng vệ Phủ Tổng thống, Bộ Tư lệnh Quân khu Thủ đô), Nha Tổng giám đốc cảnh sát và Công an, Nha cảnh sát đô thành, Bộ Tổng tham mưu, Căn cứ không quân Tân Sơn Nhất, Trung đoàn 1 thiết giáp). Đến 6 giờ sáng cùng ngày, quân đảo chính đã làm chủ hoàn toàn thành phố Sài Gòn và các vị trí quan trọng của tỉnh Gia Định. Dinh Độc Lập là thành lũy cuối cùng đã bị bao vây tứ phía. Binh sĩ đảo chính nằm hàng ngang trước cột cờ, đợi lệnh xông lên đánh chiếm. Lẽ ra nhóm cầm đầu đảo chính ra lệnh xông lên đánh chiếm Dinh Độc Lập, thì họ dừng lại, thành lập Hội đồng quân nhân cách mạng và nhận đàm phán với Ngô Đình Diệm. Cuộc đàm phán giằng co suốt cả ngày hôm đó, mãi đến 4 giờ 30 sáng 12-11 Ngô Đình Diệm chấp nhận yêu cầu của phe đảo chính, đọc trước máy thu thanh Bản Hiệu triệu "... để cho

quân đội chúng ta được toàn vẹn trong cuộc chiến đấu chống cộng, tôi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã quyết định giải tán chính phủ hiện thời. Tôi kêu gọi các tướng lãnh của quân đội Việt Nam Cộng hòa thành lập một chính phủ lâm thời để có thể chiến đấu tiếp tục chống cộng và bảo vệ xứ sở..." (5). Đồng thời, cử Nguyễn Khánh và Võ Văn Hải, phụ trách Văn phòng Phủ tổng thống ra điều đình với Nguyễn Chánh Thi trước cửa Dinh Độc Lập. Nguyễn Chánh Thi, Tổng tư lệnh của Hội đồng quân nhân cách mạng đã nghe từ miệng Võ Văn Hải: "*Ông cụ đã bằng lòng giải tán chính phủ, vợ chồng thằng Nhu sẽ phải đi, không nên đổ máu thêm vô ích*" (6). Trong nội bộ những người cầm đầu cuộc đảo chính phân hóa thành hai phe: Phe chủ chiến và phe chủ hòa. Phe chủ chiến gồm Nguyễn Chánh Thi, Phan Lạc Tuyên, Phạm Văn Liễu, Vũ Quang Tài. Phe chủ hòa gồm Vương Văn Đông, Hoàng Cơ Thụy, Phạm Xuân Chiểu, Lê Văn Tỵ. Ba lần Nguyễn Chánh Thi ra lệnh dùng đại bác bắn vào Dinh Độc Lập thì cả 3 lần Vương Văn Đông ngăn cản không được bắn vì "*sợ hỏng cuộc thương thuyết*" và sợ "*nếu để quân đội đánh chiếm Dinh Độc Lập, bao nhiêu công trạng và ảnh hưởng của cuộc đảo chính sẽ lọt vào tay những người cầm súng*" (7).

Trong khi đó, lợi dụng thời gian hòa hoãn Diệm - Nhu tập hợp lực lượng, tổ chức phản công lại quân đảo chính. Sáng sớm ngày 12-11, khi Đài phát thanh vừa truyền đi lời tuyên bố "đầu hàng" của Ngô Đình Diệm thì lực lượng cứu viện do Diệm gọi về đã nổ súng bắn vào quân đảo chính. Quân đảo chính sau vài giờ chống trả yếu ớt đã hoàn toàn tan rã. 13 giờ 20 phút, chiếc máy bay Dakota C47 do Đại úy Phan Phụng Tiên lái, mang theo 18 sĩ quan và 1 con tin bay sang Campuchia xin tị nạn. Theo

đường bộ sang Campuchia xin tị nạn còn có Thiếu tá Trần Văn Độ, Đại úy Phan Lạc Tuyên (8) và 3 binh sĩ.

Cuộc đảo chính bất thành không chỉ do sự thiếu kiên quyết và thiếu thống nhất của những người cầm đầu cuộc đảo chính, mà còn do chủ trương của Hoa Kỳ lúc này chưa muốn "thay ngựa" mà chỉ muốn "thuyết phục ngựa thay đổi bước đi" (9). Dầu sao, cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi tháng 11-1960 là điềm chẳng lành đối với chính quyền Ngô Đình Diệm.

2. Từ vụ ném bom Dinh Độc Lập đến cuộc đảo chính ngày 1-11-1963 và sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm

Thoát chết trong cuộc đảo chính tháng 11-1960, chính quyền Ngô Đình Diệm tung bộ máy đàn áp trả thù tất cả những người liên quan đến đảo chính. Theo báo chí nước ngoài, tổng số người bị bắt ước chừng từ 1.000 đến 3.000 người, số người bị thủ tiêu khoảng 600 người, trong số đó có Vũ Tam Anh, Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Tấn Quê, Tạ Chí Diệm và 9 người thuộc lực lượng đối lập với Diệm (10). Bầu không khí chính trị Sài Gòn lúc đó rất ngột ngạt. Lúc 7 giờ 15 phút ngày 27-2-1961, 2 chiếc máy bay AD 6 do hai phi công quân đội Sài Gòn điều khiển, được lệnh cất cánh từ sân bay Biên Hòa đi đánh phá khu du kích ở Gò Công đã bất ngờ đổi hướng, quay lại Sài Gòn lượn vòng quanh Dinh Độc Lập, ném 4 quả bom loại 250 cân Anh và bắn một loạt đạn 20 ly xuống Dinh Độc Lập. Dinh Độc Lập bị hư hỏng nặng, căn phòng bên trái, nơi vợ chồng Nhu ở bị sập. Gia đình Diệm thoát chết nhờ quả bom rơi trúng cầu thang ngay trên đầu căn phòng Diệm, Thục, Nhu đang nấp, không nổ. Chỉ một mình Trần Lệ Xuân bị thương nhẹ. Theo Đỗ Mậu, người có mặt ngay sau đó, thì "mọi người im thin thít, mặt mày xanh như tàu lá chuối" (11).

Sau cuộc tấn công bất ngờ, máy bay do Phạm Phú Quốc lái bị trúng đạn, Quốc nhảy dù và bị bắt tại Nhà Bè, còn Nguyễn Văn Cử bay thẳng sang Campuchia xin tị nạn. Tại đây, Nguyễn Văn Cử đã lên án chế độ Ngô Đình Diệm "*mục nát đến tận xương tủy và bị quân đội chán ghét, khi nào tình trạng còn giữ như thế này thì những cuộc nổi dậy khác sẽ còn nổ ra, đó là điều không thể tránh được*" (12). Đây là vụ binh biến. Theo điều tra của Nha An ninh quân đội Sài Gòn, người tổ chức và chỉ đạo vụ ném bom Dinh Độc Lập là ông Nguyễn Văn Lực, một trong những người thuộc nhóm Việt Quốc. Ông đã tổ chức cho hai con mình là Nguyễn Văn Cử và Nguyễn Văn Đính cùng Phạm Phú Quốc ném bom Dinh Độc Lập chủ yếu là nhằm giết vợ chồng Nhu, trừ Diệm vì "không muốn cho Hoa Kỳ, vốn đang mạnh mẽ ủng hộ ông Diệm, phải xúc động dẫn đến những phản ứng bất lợi hoặc những hệ quả tiêu cực cho miền Nam" (13). Mặc dù mục đích của cuộc ném bom xuống Dinh Độc Lập không thực hiện được, nhưng vụ binh biến đó báo hiệu bão tố đang tới gần. Tiếp đó, sau khi nhậm chức Tổng thống nhiệm kỳ 2, ngày 28-5-1961 Ngô Đình Diệm tuyên bố cải tổ cơ cấu chính phủ, nhưng khi công bố danh sách thành viên chính phủ mới thì toàn là những người thân tín cũ của Diệm (14). Những sự kiện đó càng làm cho những phe nhóm thân Mỹ đối lập với Diệm thất vọng, giận dữ và thôi thúc họ hành động. Cũng trong thời kỳ này, mâu thuẫn giữa Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm diễn ra càng thẳng hơn trước và vấn đề thay Diệm chỉ còn là thời gian, chứ không còn là vấn đề nguyên tắc nữa (15). Tháng 5-1963, khi cuộc khủng hoảng Phật giáo nổ ra ở miền Nam thì Mỹ coi đây là cơ hội để thay Diệm vì đã "già đi nhiều và trí tuệ đã không còn minh mẫn" như Mc. Namara đã nói (16). Ngày 22-8-

1963, Henry Cabot Lodge, người được mệnh danh "chuyên gia đảo chính" đến Sài Gòn nhận chức Đại sứ thay cho F. Nolting, người từ lâu vẫn ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm. Hai ngày sau, Cabot Lodge nhận được từ Nhà trắng một bức điện hướng dẫn hành động: *"Chúng ta mong muốn đem lại cho Diệm cơ hội thích hợp để loại bỏ Nhu nhưng nếu ông ta vẫn không thay đổi thì chúng ta sẵn sàng chấp nhận tình huống hiển nhiên là chúng ta không thể ủng hộ Diệm được nữa. Ngài cũng có thể thông báo cho các tư lệnh quân đội biết là chúng ta sẽ trực tiếp hỗ trợ họ trong bất cứ giai đoạn chuyển tiếp nào khi bộ máy chính phủ trung ương bị phá vỡ..."* (17).

Thế là rõ. Cánh cửa đảo chính đã mở.

Ngày 2-9-1963, tại Nhà trắng Tổng thống Kennedy tuyên bố về vấn đề Việt Nam: Phải thay đổi chính sách, có lẽ phải thay đổi cả người nữa. Tại Sài Gòn, sau khi cho nhân viên của mình bí mật tiếp xúc và hối thúc các tướng Trần Thiện Khiêm, Trần Văn Đôn, Dương Văn Minh, Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim... thực hiện ý đồ của Mỹ một cách kiên quyết và chắc thắng, Cabot Lodge đề nghị Washington: *"Tình hình đang xấu đi nhanh chóng... và đã đến lúc nước Mỹ cần sử dụng những sự trừng phạt hữu hiệu để làm sụp đổ chính phủ hiện tại và thiết lập một chính phủ khác"* (18). Lập tức Tổng thống Kennedy chấp thuận đề nghị của C. Lodge và cho ông toàn quyền quyết định ngừng viện trợ cho Diệm và tuyên bố trên Đài truyền hình CBS rằng ông không đồng tình với những ai cho rằng chúng ta nên rút lui. Đó chính là những tín hiệu chính thức mở đường cho một cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm và đó cũng là sự bảo đảm bằng đôla, bằng uy tín của Tổng thống Kennedy, bằng sức

mạnh của Hoa Kỳ cho sự thành công của cuộc đảo chính.

Và tháng 11 định mệnh đã đến với gia đình họ Ngô.

13 giờ 30 phút ngày 1-11-1963 tiếng súng đảo chính đồng loạt vang rền khắp Sài Gòn - Gia Định. Quân đảo chính không gặp mấy khó khăn khi đánh chiếm Đài phát thanh Sài Gòn, Tổng Nha cảnh sát, Nha truyền tin, Bộ Nội vụ, công phá thành Cộng hòa - căn cứ của Lữ đoàn Liên binh phòng vệ Phủ Tổng thống sau khi đã cô lập và vô hiệu hóa những đơn vị trung thành của chính quyền Ngô Đình Diệm như các lực lượng của Lê Quang Tung, Huỳnh Văn Cao, Thẩm Nghĩa Bôi, Hồ Tấn Quyền, Nguyễn Văn Là... thuyết phục và lôi kéo về phía mình các tổ chức quan trọng của Trần Kim Tuyến, Phạm Ngọc Thảo, Tôn Thất Đính, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Thiệu... Dinh Gia Long, nơi Diệm, Nhu đang ở, bị bao vây và bị cô lập ngay trong buổi chiều hôm đó. Đài Phát thanh Sài Gòn liên tục phát đi lời kêu gọi Ngô Đình Diệm ra đầu hàng Hội đồng Cách mạng.

Nhận thấy đã cùng đường, lợi dụng đêm tối Diệm, Nhu bí mật rời hầm trú ẩn trong Dinh Gia Long trốn về Chợ Lớn với ý định từ đây sẽ tìm đường đi Long An đến với "con nuôi" Huỳnh Văn Cao, nhưng hy vọng cuối cùng nhỏ nhoi đó cũng đã vụt tắt. Nửa đêm hôm đó, Cao đã tuyên bố đầu hàng và "thề trung thành với Hội đồng Cách mạng" (19).

Vậy là, Ngô Đình Diệm chỉ còn lại con đường duy nhất là đầu hàng quân đảo chính để đổi lại sự an toàn rời đất nước như Hội đồng Cách mạng và cả Đại sứ Cabot Lodge đã hứa hẹn. Sáng sớm ngày 12-11-1963 một đoàn xe được phái đến nhà thờ Cha Cam để "rước" Tổng thống về Bộ Tổng tham mưu. Diệm, Nhu bị trói và bị tống lên

xe bọc thép M113. Khi đoàn xe đi ngang qua rạp Olympic trên đường Hồng Thập Tự (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai) thì Diệm - Nhu bị hạ sát bởi loạt đạn của những người được cử đi đón.

Cái chết của Tổng thống Ngô Đình Diệm và Thủ lĩnh Đảng Cần lao Nhân vị Ngô Đình Nhu cũng là sự cáo chung của chế độ độc tài, gia đình trị họ Ngô, mở ra một chương mới trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Nhưng, về phía Hoa Kỳ xem cái chết của Tổng thống

Ngô Đình Diệm trong cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963 như là một sai lầm chiến lược quan trọng. Về sau chính Tổng thống Mỹ Richard Nixon đã thừa nhận: "Việc ám sát Tổng thống Việt Nam Ngô Đình Diệm vào tháng 11 trong một cuộc đảo chính do Mỹ khuyến khích đã có một hậu quả tai hại cho tiếng tăm của Mỹ ở châu Á. Vụ ám sát này là một trong những thời điểm đen tối nhất của lịch sử ngoại giao Hoa Kỳ. Chúng tôi không thể lẩn tránh nhiệm vụ về những gì đã xảy ra" (20).

CHÚ THÍCH

(*). Xin chân thành cảm ơn TS. Lê Quang Hậu đã cung cấp cho tôi một số tư liệu quý để viết bài này.

(1). M. Gravel. *Tài liệu Lầu Năm góc*. Bản dịch của Phòng Thông tin - Tư liệu. Viện Khoa học quân sự. Tập I, quyển 2, tr. 213.

(2), (3). M. Gravel. *Tài liệu Lầu Năm góc*. Sdd, tr. 221-222, 220.

(4). Đỗ Mậu. *Tâm sự tướng lưu vong*. Nxb. Công an nhân dân, 1985, tr. 290.

(5). Nguyễn Chánh Thi. *Việt Nam: Một trời tâm sự*. Xuân Thu xuất bản, U.S.A, 1987, tr. 145.

(6), (7). Nguyễn Chánh Thi. *Việt Nam: Một trời tâm sự*. Sdd, tr. 121, 143.

(8). Sau đó Phan Lạc Tuyên đã tìm cách bắt liên lạc với cơ sở cách mạng với danh nghĩa nhóm sĩ quan trong Ban lãnh đạo cuộc đảo chính liên hiệp hành động với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Ông đã nhận được thư chúc mừng của luật sư Nguyễn Hữu Thọ, trong đó có đoạn: "Chúng tôi rất phấn khởi được quý ông đến tăng cường hàng ngũ Mặt trận và chúng tôi tin chắc rằng sự đóng góp của quý ông sẽ có một tác dụng nhứt định đối với sự nghiệp củng cố và mở rộng Mặt trận và sự phát triển không ngừng của cách mạng miền Nam".

(9). Mc. Namara, R. S. *Nhìn lại quá khứ. Tám thăm kịch và những bài học về Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 75.

(10). Nguyệt Đàm và Thân Phong. *Chín năm máu lửa dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm*. Tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr. 22.

(11), (13). Đỗ Mậu. *Tâm sự tướng lưu vong*. Sdd, tr. 318, 324.

(12). Dẫn theo Trần Văn Giàu. *Miền Nam giữ vững thành đồng*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1966, tr. 60.

(14), (19). Đỗ Mậu. *Tâm sự tướng lưu vong*. Sdd, tr. 312-314, 499.

(15). G. Kolko. *Giải phẫu một cuộc chiến tranh Việt Nam - Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1989, tr. 142.

(16), (17). Mc. Namara, R. S. *Nhìn lại quá khứ. Tám thăm kịch và những bài học về Việt Nam*. Sdd, tr. 85, 64.

(18). Mc. Namara, R. S. *Nhìn lại quá khứ. Tám thăm kịch và những bài học về Việt Nam*. Sdd, tr. 76.

(20). Anthony T. Bouscaren. *The last of the mandarins: Diem of Viet Nam*. Duquesne University Press, USA, p. 139.